

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 8
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2017	9 – 11
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	13 – 14
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017	15 - 61

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2017 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây viết tắt là "**Tổng Công ty**") thành lập theo Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 04/06/2010 của UBND Tỉnh Bình Dương và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, Mã số doanh nghiệp và Mã số thuế **3700146458**, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 11 năm 2015.

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương

Vốn điều lệ : **1.717.144.000.000** Đồng

Vốn pháp định : **6.000.000.000** Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có :

• *Trụ sở chính*

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : thalexim@hcm.vnn.vn
- Mã số thuế : **3 7 0 0 1 4 6 4 5 8**

- *Hệ thống các Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.*

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong niên độ kế toán 2017

- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty;
- Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên, theo cơ cấu Nhà nước nắm giữ 49% Vốn điều lệ. "Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên trước khi chuyển đổi...";
- Niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là niên độ kế toán cuối cùng của Tổng Công ty theo hình thức Công ty TNHH Một thành viên.
- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính 2017, Tổng Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thành Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp; vì vậy con dấu được sử dụng để phê duyệt các Báo cáo tài chính năm 2017 là con dấu của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng thành viên

- | | | |
|----|------------------------|------------------------------|
| 1. | Ông Đoàn Minh Quang | Chủ tịch Hội đồng thành viên |
| 2. | Ông Huỳnh Xuân Phương | Thành viên |
| 3. | Ông Trần Đình Giáp | Thành viên |
| 4. | Bà Phạm Thị Băng Trang | Thành viên |
| 5. | Bà Phạm Thị Kim Thành | Thành viên |

Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thủy Hằng

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|--------------------|--|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty |
| 2. | Ông | Huỳnh Xuân Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông | Trần Đình Giáp | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 09 đến trang 61.

Báo cáo tài chính này được ghi nhận các điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty. Báo cáo này thay thế Báo cáo tài chính cùng niên độ được lập ngày 24 tháng 3 năm 2018.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 sẽ được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngoài vấn đề được nêu trong phần đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2017, Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2017 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính năm 2017.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phân đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho niên độ kế toán 2017 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Đoàn Minh Quang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 06 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2017 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 04 tháng 6 năm 2018, từ trang 09 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề lưu ý

Về một số nguyên tắc khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 127/2014/TT-BTC "Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển DN 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần" có quy định:

"Cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp, quyết định phê duyệt phương án tái cơ cấu doanh nghiệp, quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 49 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP (sau đây gọi là cơ quan quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp)"

Đối chiếu theo quy định của các văn bản nêu trên, tại thời điểm chuyển đổi Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thành Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 02 tháng 01 năm 2018), cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa chưa ra Quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước.

Báo cáo kiểm toán này thay thế Báo cáo kiểm toán số 55/2018/BCKT/NTV.HCM được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Phụ trách Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0486-2018-124-1

Kiểm toán viên – Lê Hồng Long

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0786-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.039.350.807.872	3.856.483.076.211
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.700.420.746.291	922.654.672.328
111	1. Tiền		2.239.420.746.291	194.654.672.328
112	2. Các khoản tương đương tiền		461.000.000.000	728.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		410.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	410.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.808.538.519.705	1.588.584.810.539
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.106.283.992.052	836.055.005.854
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	152.366.268.234	486.451.723.348
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	419.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	130.888.259.419	267.141.747.537
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	-	(1.063.666.200)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	2.028.723.580.217	1.340.346.703.219
141	1. Hàng tồn kho		2.028.723.580.217	1.340.346.703.219
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		91.667.961.659	4.896.890.125
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	2.092.047.287	1.902.608.022
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	54.895.996.030	523.019.893
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	34.679.918.342	2.471.262.210
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.590.724.476.104	2.231.579.012.914
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		155.820.000.170	179.068.802.841
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	121.204.625.430	144.453.428.101
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	14.135.374.740	14.135.374.740
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.14	20.480.000.000	20.480.000.000
220	II. Tài sản cố định		868.369.642.793	607.216.741.079
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.15	609.707.250.569	478.118.016.345
222	- Nguyên giá		1.112.991.115.624	851.573.405.233
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(503.283.865.055)	(373.455.388.888)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.16	258.662.392.224	129.098.724.734
228	- Nguyên giá		319.306.199.627	190.875.166.657
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.643.807.403)	(61.776.441.923)

003-
TNHH
TOÁN
M VIỆ
ANH
H PHỐ
MINH
CH

TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LÊ - TNHH MTV

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
230	III. Bất động sản đầu tư	V.17	233.713.252.830	167.253.878.976
231	- Nguyên giá		253.191.065.509	189.947.395.401
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.477.812.679)	(22.693.516.425)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		833.051.630.446	610.253.345.087
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.18	7.487.800.193	7.406.066.393
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	825.563.830.253	602.847.278.694
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		464.068.476.322	655.497.898.185
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.20	191.662.459.942	165.497.898.185
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.21	256.458.010.136	490.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.22	15.948.006.244	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		35.701.473.543	12.288.346.746
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.23	35.701.473.543	11.949.942.909
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.24	-	338.403.837
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.630.075.283.976	6.088.062.089.125



TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - TNHH MTV

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.264.075.283.976	4.155.709.707.234
310	I. Nợ ngắn hạn		6.643.490.096.327	3.432.418.118.968
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.25	1.164.491.586.491	1.048.558.207.793
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.26	13.710.577.873	2.309.404.206
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.27	138.155.084.893	169.259.864.324
314	4. Phải trả người lao động	V.28	12.266.364.118	8.768.848.176
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.29	9.504.463.060	19.509.477.973
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.30	-	264.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.31	1.731.880.666.727	851.506.255
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.32	3.390.364.639.212	2.067.071.118.910
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.33	23.648.162.727	30.562.111.485
323	10. Quỹ bình ổn giá	V.34	159.468.551.226	85.263.579.846
330	II. Nợ dài hạn		620.585.187.649	723.291.588.266
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.35	-	33.840.383.727
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.36	411.550.098.649	403.084.873.219
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.37	76.600.589.000	75.147.831.320
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.38	132.434.500.000	211.218.500.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.366.000.000.000	1.932.352.381.891
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.39	2.366.000.000.000	1.932.352.381.891
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.39.1	2.366.000.000.000	1.701.266.591.663
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.39.2	-	-
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.39.3	-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	V.39.4	-	29.816.550.572
419	5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	V.39.5	-	201.269.239.656
421	6. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.39.6	-	-
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.630.075.283.976	6.088.062.089.125

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hà Ngọc Sơn

Phạm Thị Băng Trang

Đoàn Minh Quang

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.40	7.825.339.732.580	6.681.524.056.450
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.40	7.825.339.732.580	6.681.524.056.450
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.41	7.503.782.390.424	6.394.766.937.181
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		321.557.342.156	286.757.119.269
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.42	138.737.980.490	180.951.611.416
22	7. Chi phí tài chính	VI.43	109.032.871.803	96.327.613.086
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		103.579.651.452	83.921.148.463
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.44	210.460.218.160	229.779.758.424
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.45	56.354.571.757	52.057.842.918
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		84.447.660.926	89.543.516.257
31	12. Thu nhập khác	VI.46	1.690.394.720	4.980.714.961
32	13. Chi phí khác	VI.47	713.385.360	6.001.978.486
40	14. Lợi nhuận khác		977.009.360	(1.021.263.525)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		85.424.670.286	88.522.252.732
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.48	13.316.549.595	4.329.732.234
52	17. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.49	338.403.837	(338.403.837)
60	18. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		71.769.716.854	84.530.924.335

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hà Ngọc Sơn



Phạm Thị Băng Trang



Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		9.905.133.732.767	8.647.320.160.330
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(8.632.699.616.313)	(6.886.613.226.720)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(59.059.373.184)	(54.249.960.666)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(106.401.578.673)	(84.199.672.623)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(691.198.554)	(22.919.490.991)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.656.305.338.923	1.275.149.301.175
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.386.355.508.617)	(2.570.967.982.219)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.376.231.796.349	303.519.128.286
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(147.088.977.054)	(171.840.110.073)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	2.477.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.281.500.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.452.500.000.000	335.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	348.645.640.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		181.189.536.477	136.964.544.416
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(794.899.440.577)	651.247.347.070

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		8.457.960.569.435	7.867.162.890.717
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(7.208.163.628.367)	(9.173.976.838.706)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(53.363.138.026)	(16.311.411.261)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.196.433.803.042	(1.323.125.359.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.777.766.158.814	(368.358.883.894)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	922.654.672.328	1.291.013.303.525
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(84.851)	252.697
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	2.700.420.746.291	922.654.672.328

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khánh Hà



Phạm Thị Băng Trang



Đoàn Minh Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2017 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty").

Báo cáo tài chính này được ghi nhận các điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty. Báo cáo này thay thế Báo cáo tài chính được lập ngày 24 tháng 3 năm 2018.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh Xăng dầu; Mua bán nguyên liệu, nhiên liệu Xăng dầu; Gia công chế biến Xăng dầu;
- Mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp (thuốc trừ sâu), hóa chất cơ bản, sản phẩm hóa chất, bao bì; Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán thiết bị phụ tùng, sản phẩm điện, điện tử và hàng tiêu dùng; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, sơn mài, gỗ chạm, gốm sứ; thủy tinh, thảm len, sản phẩm da, giả da, cao su, hàng gỗ gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ khác; Mua bán phương tiện vận tải, thiết bị cơ khí dân dụng, thiết bị vật tư ngành in; Mua bán nông, lâm sản chế biến: hạt điều, cà phê, tiêu, đậu, cao su, lương thực, thực phẩm; Mua bán dược liệu; hàng may mặc, dệt, nhuộm;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công cộng, giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Thi công các công trình công cộng, giao thông; Thi công hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, nhà ở công nhân. Đầu tư kinh doanh khai thác chợ, siêu thị, trung tâm Thương mại, khu dịch vụ vui chơi giải trí;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, phòng họp, tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát;
- Kinh doanh kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa;

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí;
- Sản xuất gia công giày dép các loại; Sản xuất gia công các sản phẩm may mặc;
- Sản xuất chế biến hàng nông, lâm, hải sản; Sản xuất bao bì; in ấn bao bì;
- Đầu tư, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, Tổng công ty liên kết.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm là Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

Tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm Trụ sở chính; Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết sau đây:

- ❖ **Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc được hợp cộng vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty bao gồm:**

Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM	Văn phòng Giao dịch và Cho thuê văn phòng
2. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	Kinh doanh xăng dầu
3. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV tại Tỉnh Bình Phước	Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.	Kinh doanh xăng dầu
4. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phú, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.	Kinh doanh xăng dầu
5. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6. Công viên Văn hóa Thanh Lễ	563-567 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Công viên vui chơi – Dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường,...



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- | | | |
|--|---|---|
| 7. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star | Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương | Dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn |
| 8. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ | Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương | Kho chứa xăng dầu |
| 9. Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ | Áp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM | Kho chứa xăng dầu |
| 10. Ban Quản lý KCN Bình Đường - Sóng Thần I | Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương | Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp |
| 11. Hệ thống 17 cửa hàng bán lẻ xăng dầu | Tỉnh Bình Dương | Kinh doanh xăng dầu |
| 12. Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn | Tỉnh Bình Dương | Kinh doanh Vật liệu xây dựng |

Tổng số lao động của Tổng Công ty đến ngày 31/12/2017 là 561 lao động.

- ❖ **Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết tại ngày 31/12/2017 (được trình bày theo giá gốc ở chỉ tiêu Đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty) bao gồm:**

Công ty con và Công ty liên doanh liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
1. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Số 36/8 đường ĐT 743, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	56,84%
2. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Tầng 3, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	76,60%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Tầng 3, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	80,00%
4. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Số 606 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TX. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%
5. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Khu phố 2, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	65,02%
6. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Số 306, Đường ĐT 743, Khu phố Trung Thắng, Phường Bình Thắng, TX Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	25,00%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền hàng tháng và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
- Máy móc và thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
- Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
- Giấy phép xả nước thải	10



7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BĐSDT được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm Bất động sản đầu tư như sau:

<u>Bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	45
Nhà cửa vật kiến trúc	50

9. Các khoản đầu tư tài chính***Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều Kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau...)

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắn chắn thời gian phải thanh toán số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá (dịch vụ), tài sản cho người mua sử dụng.

(Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trong trường hợp : Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm (TSCĐ, BĐSĐT); Tiền lãi nhận trước của khoản cho vay vốn; Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay; Kể cả khoản tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ phải chiết khấu, giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống là phần nghĩa vụ mà người bán sẽ phải thực hiện trong tương lai...)

Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu (bán hàng/cung cấp dịch vụ/ tài chính) của các kỳ kế toán sau

15. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu Tổng Công ty TMXNK Thanh Lễ - TNHH MTV được ghi nhận theo số vốn đầu tư thuộc Nhà nước.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng thành viên hàng năm và phù hợp với các quy định hiện hành.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**❖ *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng của Tổng Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;

- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.



19. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế TNDN sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	24.835.437.000	16.042.879.500
- Tiền gửi ngân hàng [a]	2.214.585.309.291	178.611.792.828
- Các khoản tương đương tiền [b]	461.000.000.000	728.000.000.000
Cộng	2.700.420.746.291	922.654.672.328

[a] Trong đó

- * Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ cuối năm là USD 1,473.44.
- * Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương liên quan đến việc phát hành cổ phiếu ra công chúng có giá trị là **1.695.027.560.547 Đồng** đang giới hạn sử dụng.

[b] Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP.**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn** **410.000.000.000** **-**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty CP CK NH Công Thương VN - CN TP.HCM	264.000.000.000	-
Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S	255.526.683.342	1.616.592.288
Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*)	186.389.217.376	-
Công ty TNHH Hải Linh	170.132.785.901	147.509.015.409
Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng	29.613.912.725	219.238.912.763
Công ty TNHH Thương Mại Hồ Bửu	27.867.710.000	31.559.294.800
Công ty TNHH TMDV TH Hoà Khánh	20.882.888.966	12.410.977.642
Công ty CP NICOTEX Nam Thái Dương	19.856.827.041	19.856.827.041
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú Sang	19.546.688.950	1.069.546.076
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh	16.856.914.500	84.529.022.300
Công ty TNHH Huy Hồng	16.466.742.083	38.054.105.883
Công ty TNHH MTV Xăng Dầu TM và DV Minh Phát	8.820.395.599	-
Công ty TNHH Xăng Dầu Huy Hoàng	8.421.065.000	9.776.426.530
Công ty TNHH Vận Tải Thủy Bộ Bình Dương	4.757.991.297	2.371.292.910
DNTN Trạm Xăng dầu Hiệp Phát	4.109.775.700	3.428.167.000
Công ty CP Sung Hyun Vina	51.206.410	66.786.961.342
Công ty TNHH TM DV Hiệp Quê	-	52.709.228.162
Công ty TNHH MTV Thương Mại Nghĩa Thắng II	-	16.764.839.673
DNTN Trạm Xăng Dầu Nghĩa Thắng	-	16.277.037.219
DNTN Trạm Xăng Dầu Phước Thành	-	14.816.469.682
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phan Tuấn	-	14.756.843.048
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	52.983.187.162	82.523.446.086
Cộng	1.106.283.992.052	836.055.005.854

(*) Khoản phải thu bên liên quan

338482-
 CÔNG TY
 KIỂM TOÁN
 N TÂM
 HI NHẬP
 THANH LÊ
 CHỈ MỤC
 P HỒ C

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty CP Việt Hùng	31.020.928.000	-
Nguyễn Thanh Sơn	24.698.400.000	24.698.400.000
Công ty TNHH Toàn Lực	19.321.300.000	-
Đỗ Thị Thu	19.283.183.250	19.283.183.250
Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	10.000.000.000	10.000.000.000
Trần Hiếu	7.077.342.000	7.077.342.000
Nguyễn Văn Thanh	7.009.100.000	7.009.100.000
Công ty CP Miền Đông Nam Bộ	5.148.000.000	-
Hợp tác Xã Vĩnh Hưng	1.373.112.480	5.833.991.278
Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*)	-	235.416.571.087
Nguyễn Mạnh Hùng (**)	-	26.121.578.600
Lê Văn Nhỏ - Nguyễn Thị Cúc (**)	-	18.141.000.000
Tổng Công ty ĐTPPT Nhà và Đô Thị (**)	-	17.808.113.439
Ngô Hoàng Á (**)	-	9.488.050.000
Quách Ngọc Anh (**)	-	7.547.792.460
Trần Ngọc Cường (**)	-	5.931.000.000
Trần Văn Lợi (**)	-	5.555.874.000
Nguyễn Thị Huệ (**)	-	5.534.090.000
Lê Thị Nura (**)	-	5.128.114.800
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	27.434.902.504	75.877.522.434
Cộng	152.366.268.234	486.451.723.348

(*) Khoản trả trước cho các bên liên quan

(**) Các khoản trả trước liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các Khu dự án của Tổng Công ty đã được chuyển sang theo dõi tại khoản mục Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang.

5. Phải thu cho vay ngắn hạn**419.000.000.000**

Khoản tiền cho Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Thịnh vay theo hợp đồng số 01/HĐVV/TL-HT ngày 04/12/2017. Thời hạn cho vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay là 0,50%/tháng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

6. Phải thu ngắn hạn khác

- Phải thu về cổ phần hóa	2.423.435.132	9.329.648.693
- Phải thu hao hụt xăng dầu	1.651.597.257	1.400.670.045
- Tạm ứng	85.669.197.145	292.673.845
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN - CN Hồ Chí Minh	19.899.927.777	1.095.833.333
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương (*)	9.172.427.607	9.172.427.607
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Bình Dương	3.592.974.493	-
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương (*)	2.730.987.953	2.542.972.622
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương (*)	2.352.429.659	1.617.451.525
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	886.111.111	1.739.736.111
- Công ty CP SXKD Thanh Lễ (*)	345.285.000	115.095.000
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (*)	37.887.121	142.945.521.278
- Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	53.407.535.547
- Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Sài Gòn KV3/Xăng dầu	-	17.876.117.227
- Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Cái Mép - Vũng Tàu	-	11.603.485.761
- Phải thu khác	2.125.999.164	14.002.578.943
Cộng	130.888.259.419	267.141.747.537

(*) Các khoản phải thu các bên có liên quan về tiền bán cổ phần, phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia.

7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH Phúc Gia Khang	540.000.000	-	540.000.000	540.000.000
- Công ty TNHH Norco Tiles	523.666.200	-	523.666.200	523.666.200
Cộng	1.063.666.200	-	1.063.666.200	1.063.666.200



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó thu hồi để chuẩn bị các thủ tục xử lý tài chính cho việc chuyển đổi doanh nghiệp.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	42.052.520.000	54.445.663.586
- Nguyên liệu, vật liệu	6.790.779.757	5.460.982.982
- Công cụ, dụng cụ	218.539.092	488.873.475
- Thành phẩm Bất động sản	590.525.104.553	650.185.473.037
- Hàng hoá	1.388.580.212.045	629.765.710.139
- Hàng gửi bán	556.424.770	-
Cộng	2.028.723.580.217	1.340.346.703.219

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí SXKD trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	1.072.009.986	2.316.165.184	2.204.393.177	78.782.651	1.104.999.342
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	830.598.036	1.413.342.384	1.256.892.475	-	987.047.945
Cộng	1.902.608.022	3.729.507.568	3.461.285.652	78.782.651	2.092.047.287

10. Thuế GTGT được khấu trừ **54.895.996.030** **523.019.893**

Khoản thuế GTGT còn được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ mua vào trong năm.

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.554.010.635	-
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	499.733.058	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	947.804.841	-
- Thuế Xuất, nhập khẩu	31.678.369.808	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.471.262.210
Cộng	34.679.918.342	2.471.262.210



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

12. Phải thu dài hạn của khách hàng

- Lê Hoài Nam	5.050.000.000	5.050.000.000
- Dương Triều Đại	5.000.000.000	7.000.000.000
- Lê Minh Tùng	5.000.000.000	6.000.000.000
- Trần Thị Kim Phương	5.000.000.000	-
- Phạm Mai Thủy Trang	4.500.000.000	4.500.000.000
- Bùi Thị Diệu Hằng	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ngô Thị Hồng Thoa	4.000.000.000	-
- Lê Thị Thủy	3.500.000.000	4.500.000.000
- Đồng Minh Tính	3.500.000.000	3.500.000.000
- Nguyễn Thị Ngọc Thủy	3.000.000.000	6.000.000.000
- Nguyễn Văn Dũng	2.800.000.000	2.800.000.000
- Phạm Thị Kim Thành	2.650.000.000	3.450.000.000
- Nguyễn Phi Công	2.551.084.000	3.500.000.000
- Phạm Mai Thanh Thảo	2.500.000.000	2.500.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S	2.000.000.000	9.500.000.000
- Lương Thanh Phúc	1.961.355.000	1.961.355.000
- Trương Thị Xuyên	1.190.986.000	1.190.986.000
- Bùi Văn Quyết	1.041.945.000	1.596.590.000
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác	61.959.255.430	77.404.497.101
Cộng	121.204.625.430	144.453.428.101

13. Trả trước cho người bán dài hạn**14.135.374.740****14.135.374.740**

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

14. Phải thu dài hạn khác

- Đặt cọc thuê mặt bằng làm trạm xăng dầu	480.000.000	480.000.000
- Đặt cọc để thực hiện dự án kho xăng dầu Cục Hậu cần Quân khu 7	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.480.000.000	20.480.000.000

15. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Số đầu năm		644.450.379.690	91.527.533.506	108.966.628.668	5.640.895.369	987.968.000	851.573.405.233
- Mua trong năm		4.439.733.066	8.669.764.931	804.295.400			13.913.793.397
- Tăng khác		263.592.788.804	2.968.208.518	16.374.841.178	102.332.921		283.038.171.421
- Thanh lý, nhượng bán		16.930.089.834	4.141.353.000	437.334.545			21.508.777.379
- Giảm khác		13.367.463.535	184.228.058	464.665.455	-	9.120.000	14.025.477.048
- Số cuối năm		882.185.348.191	98.839.925.897	125.243.765.246	5.743.228.290	978.848.000	1.112.991.115.624
Giá trị hao mòn							
- Số đầu năm		285.698.116.377	39.872.038.829	44.020.436.199	2.930.630.483	934.167.000	373.455.388.888
- Khấu hao trong năm		35.718.976.350	7.043.077.762	7.047.067.657	532.383.992	26.004.000	50.367.509.761
- Tăng khác		92.854.297.042	-	8.801.961.972	44.758.210		101.701.017.224
- Thanh lý, nhượng bán		16.789.792.036	90.212.493	437.334.545	-		17.317.339.074
- Giảm khác		-	4.098.971.397	193.916.005	361.789.742	268.034.600	4.922.711.744
- Số cuối năm		397.481.597.733	42.725.932.701	59.238.215.278	3.145.982.943	692.136.400	503.283.865.055
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm		358.752.263.313	51.655.494.677	64.946.192.469	2.710.264.886	53.801.000	478.118.016.345
- Tại ngày cuối năm		484.703.750.458	56.113.993.196	66.005.549.968	2.597.245.347	286.711.600	609.707.250.569
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng							
- Tại ngày đầu năm		167.095.614.130	26.395.833.979	17.424.458.606	1.338.430.936	782.948.000	213.037.285.651
- Tại ngày cuối năm		155.460.860.204	31.696.043.906	24.475.544.837	2.049.867.300	782.948.000	214.465.264.247

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Các khoản tăng khác và giảm khác là các khoản điều chỉnh lại nguyên giá, hao mòn lũy kế theo chi tiết xác định lại giá trị các tài sản căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty.

16. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất lâu dài (a)	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Giấy phép xả nước thải (b)	Tổng cộng
Chi tiêu				
Nguyên giá				
- Số đầu năm	4.832.818.182	185.724.166.656	318.181.819	190.875.166.657
- Tăng trong năm	-	128.431.032.970	-	128.431.032.970
- Số cuối năm	4.832.818.182	314.155.199.626	318.181.819	319.306.199.627
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm	-	61.704.851.018	71.590.905	61.776.441.923
- Khấu hao trong năm	-	4.211.824.928	31.818.180	4.243.643.108
- Giảm trong năm	-	5.376.277.628	-	5.376.277.628
- Số cuối năm	-	60.540.398.318	103.409.085	60.643.807.403
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	4.832.818.182	124.019.315.638	246.590.914	129.098.724.734
- Tại ngày cuối năm	4.832.818.182	253.614.801.308	214.772.734	258.662.392.224

- (a) Quyền sử dụng đất lâu dài tại Cửa hàng xăng dầu số 7.
- (b) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 07 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

Khoản tăng khác và giảm khác là các khoản điều chỉnh lại nguyên giá, hao mòn lũy kế theo chi tiết xác định lại giá trị các tài sản căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

17. Bất động sản đầu tư

Chi tiêu	Nhóm BĐSĐT	Quyền sử dụng đất lâu dài [a]	Quyền sử dụng đất có thời hạn [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc [a]	Tổng cộng
Nguyên giá					
- Số đầu năm		123.860.000.000	34.202.843.429	31.884.551.972	189.947.395.401
- Tăng khác			44.540.327.183	29.991.331.921	74.531.659.104
- Giảm khác [c]			11.287.988.996		11.287.988.996
- Số cuối năm		123.860.000.000	67.455.181.616	61.875.883.893	253.191.065.509
Giá trị hao mòn					
- Số đầu năm		0	6.817.344.241	15.876.172.184	22.693.516.425
- Khấu hao trong năm		0	6.551.800.399	1.553.522.416	8.105.322.815
- Giảm khác [c]			11.321.026.561		11.321.026.561
- Số cuối năm		0	2.048.118.079	17.429.694.600	19.477.812.679
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm		123.860.000.000	27.385.499.188	16.008.379.788	167.253.878.976
- Tại ngày cuối năm		123.860.000.000	65.407.063.537	44.446.189.293	233.713.252.830

[a] Quyền sử dụng đất lâu dài và Tòa nhà cao ốc văn phòng cho thuê tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

[b] Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên.

- Diện tích đất thuê tại ngày 31/12/2017 142.545,4 m²
- Thời hạn sử dụng đất 45 năm (đến ngày 24/10/2054)

[c] Khoản giảm khác là các khoản điều chỉnh lại nguyên giá, hao mòn lũy kế theo chi tiết xác định lại giá trị các tài sản căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khu Dự án Nhà TM Phú Thọ	854.992.448	849.179.522
- Khu Dự án Nhà TM An Bình	6.632.807.745	6.556.886.871
Cộng	7.487.800.193	7.406.066.393

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình, dự án sau:

Công trình	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án Khu kho cảng An Sơn	466.200.605.695	463.879.487.000
- Dự án Kho xăng dầu VK102	127.698.287.520	74.127.624.304
- Chuyển nhượng đất Khu Công viên	107.709.622.860	-
- Công trình Mỏ Đá	58.966.545.014	46.238.709.332
- Công trình Phụ	26.845.858.382	8.984.192.036
- Chuyển nhượng QSSĐ P. Bình Thắng Dĩ An	18.503.820.000	-
- Chuyển nhượng đất khu Chánh Mỹ	17.808.113.439	-
- Khu Công nghiệp Bình Đường	945.540.525	945.540.525
- Khu xử lý chất thải rắn Tân Mỹ	885.436.818	885.436.818
- Trung Tâm Đăng Kiểm Xe Cơ Giới	-	7.688.670.217
- Hệ thống Cửa hàng Xăng dầu	-	80.868.462
- Dự án Công viên mở rộng	-	16.750.000
Cộng	825.563.830.253	602.847.278.694

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

20. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các Công ty con được ghi nhận lại theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty. Chi tiết các khoản đầu tư như sau:

	Số đầu năm	Ghi tăng theo QĐ số 1365/QĐ- UBND	Điều chỉnh thoái vốn	Số cuối năm
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	69.498.360.000	30.176.266.872	29.242.130.311	70.432.496.561
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	38.314.539.787	6.988.136.848	-	45.302.676.635
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	-	-	24.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	7.673.000.000	515.380.782	-	8.188.380.782
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	26.011.998.398	17.726.907.566	-	43.738.905.964
	165.497.898.185	55.406.692.068	29.242.130.311	191.662.459.942

Vốn góp và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	70.432.496.561	106.883.630.000	65,02%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	50.020.539.787	76,60%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	13.500.000.000	56,84%
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	26.000.000.000	100,00%
Cộng	191.662.459.942		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

21. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	256.458.010.136	490.000.000.000
--	------------------------	------------------------

Khoản đầu tư vào Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương. Trong năm 2017, Tổng Công ty đã bán ra ngoài 24.000.000 Cổ phiếu của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty nắm giữ 25.000.000 Cổ phiếu, chiếm 25% Vốn điều lệ tại Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

Khoản đầu tư được ghi nhận lại theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty tương xứng với tỷ lệ lợi ích 25% tại ngày 31/12/2017 là:

- Số đầu năm	490.000.000.000
- Ghi tăng theo QĐ số 1365/QĐ-UBND	205.161.689.235
- Thanh lý vốn trong năm 2017	(240.000.000.000)
- Điều chỉnh giá trị phần vốn đã thoái	(198.703.679.099)
- Số cuối năm	256.458.010.136

22. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.948.006.244	-
---	-----------------------	----------

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D.

23. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí SXKD trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	1.717.266.556	4.601.078.954	1.701.766.556	200.856.020	4.415.722.934
- Phí giữ hộ xăng dầu từ năm 2012 đến năm 2018 [a]	5.500.000.005	-	2.750.000.004		2.750.000.001
- Tiền thuê đất Cửa hàng xăng dầu 24 (2.089,1 m2) [b]	3.953.880.422	-	268.059.685		3.685.820.737
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	778.795.926	3.961.792.648	831.501.001		3.909.087.573
- Lợi thế thương mại [c]	-	20.940.842.298	-		20.940.842.298
Cộng	11.949.942.909	29.503.713.900	5.551.327.246	200.856.020	35.701.473.543

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- [a] Chi phí trả trước phí giữ hộ xăng dầu phải trả cho Kho xăng dầu VK 102, Cục Hậu Cần, Quân Khu 7 tại ấp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 3 Hợp đồng tiếp nhận, giữ hộ và bơm rót xăng dầu số VK102.CHC.QK7-Thanh Lễ ngày 09 tháng 07 năm 2012 phí giữ hộ xăng dầu một năm là 2.000.000.000 đồng/năm (chưa gồm 10% thuế VAT) trong suốt thời gian 07 năm (từ năm 2012 đến hết năm 2018).
- [b] Chi phí trả trước tiền thuê khu đất xây dựng trạm kinh doanh xăng dầu số 24. Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 24 tháng 08 năm 2011 Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV thuê lại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 4AB.7 tại Phường An Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Công đoàn Bình Dương trong thời hạn 20 năm, kể từ ngày bàn giao đất. Đơn giá thuê 20.000.000 đồng/tháng, tiền thuê đất cho 20 năm là 4.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).
- [c] Giá trị lợi thế thương mại được ghi nhận theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty.

24. Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại - 338.403.837

Trong năm 2017, Tổng Công ty hoàn nhập tài sản thuế TNDN tạm tính 1% trên tiền ứng trước theo tiến độ để mua căn hộ tại Cao ốc Bình Dương do đã hoàn thành việc chuyển giao căn hộ.

25. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	641.521.672.944	233.257.481.788
- Soleum Energy PTE LTD	380.774.189.222	-
- Petrolimex Singapore PTE LTD	115.336.428.781	322.853.333.739
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	14.626.764.854	2.458.172.691
- Công ty TNHH Địa Ốc Ngôi Nhà Thân Yêu	3.912.449.184	-
- Daemyung Crusher Co., Ltd	2.258.490.353	-
- Công ty TNHH Cơ Khí Đặng Vũ	1.575.500.000	1.575.500.000
- InterChem Pte Ltd		114.669.968.918
- Petrochina International (Singapore) Pte Ltd		100.237.574.237
- Select Oil Pte Ltd		127.874.141.217
- VietSea Company PTE. LTD.		135.676.639.339
- Các khoản phải trả nhà cung cấp khác	4.486.091.153	9.955.395.864
Cộng	1.164.491.586.491	1.048.558.207.793

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

26. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Bà Cheng Hsiu Min	11.441.925.000	-
DNTN Trạm Kinh Doanh Xăng Dầu Phú An	311.516.900	202.189.300
Công ty TNHH Thương Mại Thành Phát	224.153.600	117.820.588
DNTN Tân Phong	235.200.000	88.416.400
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.497.782.373	1.900.977.918
Cộng	13.710.577.873	2.309.404.206

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	17.548.736.884	84.373.756.309	102.422.226.251	(499.733.058)
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	27.949.675.674	359.757.799.074	389.261.485.383	(1.554.010.635)
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13.209.560.308	136.761.226.123	150.918.591.272	(947.804.841)
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	14.371.353.204	240.562.020.338	286.611.743.350	(31.678.369.808)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.471.262.210)	13.316.549.595	691.198.554	10.154.088.831
- Thuế Thu nhập cá nhân	376.904.988	1.089.103.875	630.043.159	835.965.704
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	4.710.657.504	4.710.657.504	-
- Thuế Bảo vệ môi trường	42.440.495.240	940.706.223.645	890.038.747.715	93.107.971.170
- Phí, lệ phí	-	68.846.000	68.846.000	-
- Lợi nhuận nộp ngân sách	53.363.138.026	34.057.059.188	53.363.138.026	34.057.059.188
Cộng	166.788.602.114	1.815.403.241.651	1.878.716.677.214	103.475.166.551

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	169.259.864.324	138.155.084.893
- Thuế nộp thừa	(2.471.262.210)	(34.679.918.342)
(Thuyết minh số V.11)		

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế: Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * Không chịu thuế : Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất
- * 5% : Nước sinh hoạt
- * 10% : Xăng, dầu, nhớt các loại; cho thuê văn phòng, nhà xưởng...

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10% áp dụng cho mặt hàng Xăng Ron 92 nhập khẩu và pha chế Xăng E5 Ron 92.

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế Nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 165/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014: quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018.
- Thông tư số 201/2015/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018.

Tiền thuế đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

28. Phải trả người lao động	12.266.364.118	8.768.848.176
Tiền lương và các khoản mang tính chất lương còn phải trả cho người lao động.		
29. Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	3.873.058.387	1.828.939.400
- Phí môi giới	413.364.184	-
- Chi phí thi công (*)	4.983.828.951	17.419.169.189
- Chi phí ăn ca	233.711.538	261.369.384
- Chi phí khác	500.000	-
Cộng	9.504.463.060	19.509.477.973
(*) Khoản trích theo hợp đồng kinh tế số 10/HTXVH-TL/TC2016 ngày 03/10/2016 tại Khu Đô thị Dịch vụ Thương mại Sóng Thần (Khu B), phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.		
30. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Tiền thuê ngắn hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, cho thuê văn phòng:		
- Số đầu năm	264.000.000	-
- Tăng trong năm	9.905.672.102	15.427.693.438
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(10.169.672.102)	(15.163.693.438)
- Số cuối năm	-	264.000.000
31. Phải trả ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	725.764.502	566.557.182
- Phải trả về cổ phần hoá	1.678.262.347.125	-
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	-
- Khoản phải trả liên quan Khu TMDV DC Định Hòa	51.502.974.300	-
- Công an Tỉnh Bình Dương	-	284.949.073
- Các khoản phải trả khác	11.700.000	-
Cộng	1.731.880.666.727	851.506.255

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

32. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại nợ vay trong năm	Số cuối năm
32.1					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Dương	597.537.128.330	2.501.106.083.103	2.324.706.680.250	-	773.936.531.183
32.2					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Bình Dương	628.005.402.612	3.476.695.698.743	2.817.697.897.387	-	1.287.003.203.968
32.3					
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	162.385.340.000	1.009.898.717.758	686.673.669.253	-	485.610.388.505
32.4					
Malayan Banking Berhad	66.274.977.557	365.618.216.502	232.034.614.562	-	199.858.579.497
32.5					
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội	105.521.544.831	-	105.521.544.831	-	-
32.6					
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	178.945.187.270	414.601.770.142	593.546.957.412	-	-
32.7					
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	229.057.538.310	653.077.055.018	353.962.657.269	-	528.171.936.059
32.8					
Vay dài hạn đến hạn trả	99.344.000.000		99.344.000.000	115.784.000.000	115.784.000.000
Cộng	2.067.071.118.910	8.420.997.541.266	7.213.488.020.964	115.784.000.000	3.390.364.639.212

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- 32.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương** theo Hợp đồng cấp tín dụng số 066K16; hợp đồng cho vay theo hạn mức số 079B16 ngày 20/10/2016; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/066K16 ngày 20/10/2017 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/079B16 ngày 20/10/2017. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 20/01/2018. Các điều khoản cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

- 32.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương** theo hợp đồng tín dụng số 16.49.0168/2016-HĐTDHM/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 01/11/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 16.49.0168/2016-HĐTDHM-SDBS/03-NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 01/12/2017 cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 1/11/2016 đến ngày 31/12/2017
- Thời hạn vay : Tối đa 05 tháng theo từng Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

- 32.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương** theo hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2016- 00767 ngày 14/06/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 14/6/2019
- Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- 32.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng Malayan Banking Berhad theo hợp đồng số HCMC/LO/THALEXIM/01.2017 ngày 06/02/2017 và MILB/BMT/KAR/SAF/EJ/VIETNAM-2016/96/2017-115 ngày 06/02/2017, cụ thể:
- Hạn mức vay : 11.000.000 USD hoặc VND tương đương
 - Mục đích vay : Thu tín dụng L/C Nhập khẩu, mua các nguyên vật liệu thô/hàng hoá/thành phẩm liên quan đến hoạt động kinh doanh và Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC) để dự phòng biến động ngoại tệ
 - Lãi suất : Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm. Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
 - Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản
- 32.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng số 19980.15.110.969666.TD ngày 18/09/2015 và Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 19980.15.110.969666.TD.PL2 ngày 01/10/2016, cụ thể:
- Hạn mức vay : 20,000,000.00 USD hoặc VND tương đương
 - Thời hạn cấp hạn mức : Phụ lục hợp đồng gia hạn cho đến ngày 30/11/2016
 - Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
 - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2015-2016
 - Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
 - Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản
- 32.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 0021/HDTĐ2 – VIB880/16 ngày 10/11/2016, cụ thể:
- Hạn mức vay : 200.000.000.000 Đồng
 - Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này
 - Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
 - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
 - Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
 - Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- 32.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương**
theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/83406/HĐTD ngày 22/06/2017, cụ thể:

- Hạn mức vay : 800.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Theo từng hợp đồng vay
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.8 Vay dài hạn đến hạn trả

Khoản vay đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
(Xem Thuyết minh V.38)

33. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	23.723.547.139	9.859.117.610		16.045.500.000	17.537.164.749
- Quỹ phúc lợi	5.240.784.098	6.000.000.000	1.000.000	5.486.591.368	5.755.192.730
- Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	1.597.780.248	322.625.000		1.564.600.000	355.805.248
Cộng	30.562.111.485	16.181.742.610	1.000.000	23.096.691.368	23.648.162.727

34. Quỹ bình ổn giá

Tình hình tăng, giảm Quỹ bình ổn giá xăng dầu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Trích trong năm	Sử dụng trong năm	Số cuối năm
- Quỹ bình ổn giá	83.429.480.426	163.431.202.800	90.359.438.456	156.501.244.770
- Lãi quỹ bình ổn giá	1.834.099.420	1.133.207.036	-	2.967.306.456
Cộng	85.263.579.846	164.564.409.836	90.359.438.456	159.468.551.226



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

35. Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Địa ốc Ngôi Nhà Thân Yêu	-	33.249.854.607
- Các đối tượng khác	-	590.529.120
Cộng	-	33.840.383.727

36. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Số tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, cho thuê văn phòng:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	403.084.873.219	292.405.617.599
- Tăng trong năm	24.366.666.666	123.456.366.666
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(15.901.441.236)	(12.777.111.046)
- Số cuối năm	411.550.098.649	403.084.873.219

37. Phải trả dài hạn khác

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.600.589.000	25.147.831.320
- Công ty CP Giang Nam Logistics (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	76.600.589.000	75.147.831.320

(*) Khoản tiền nhận hợp tác đầu với Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐ-GNL-2015 ngày 23/5/2015.

38. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	211.218.500.000	252.562.500.000
- Vay trong năm	37.000.000.000	58.000.000.000
- Chuyển sang nợ vay dài hạn đến hạn trả	(115.784.000.000)	(99.344.000.000)
- Số cuối năm	132.434.500.000	211.218.500.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo các Hợp đồng sau:

38.1 Hợp đồng vay số 14490121/2014/HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LÊ ngày 23 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Dùng để thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư kho cảng thủy nội địa An Sơn (bao gồm cả cho vay để bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ

- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn gồm: công trình bến, kè, kho, bãi, cầu cảng, công trình kỹ thuật, giao thông, cây xanh, công trình hành chính - dịch vụ - phụ trợ,... thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 14.49.0123/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất tạm định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 432.575.000.000 Đồng

Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản dưới đây:

- + Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn
- + Các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên, bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm
- + Tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan đến các tài sản nêu trên

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp động sản số 14.49.0127/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014, các bên thống nhất định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 60.000.000.000 Đồng

- Số dư 31/12/2017 : 98.500.000.000 Đồng

Trong đó

- Vay dài hạn : 49.250.000.000 Đồng
- Nợ đến hạn trả : 49.250.000.000 Đồng

38.2 Hợp đồng vay số 15.49.0012/2015-HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LE ngày 16 tháng 03 năm 2015, cụ thể:

- Hạn mức vay : **224.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Cho vay thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK102-Nhà Bè giai đoạn 1 (bao gồm cả cho vay bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
- Lãi suất : Xác định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè gồm: hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, bãi đậu xe, hệ thống tường kè và hệ thống tuyến ống công nghệ), cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà kho (nhà kho, nhà điều hành cấp phát, hệ thống bảo vệ, hệ thống ngăn đê chống tràn dầu, trạm xử lý nước nhiễm dầu, hệ thống trang thiết bị phục vụ xuất nhập tồn trữ xăng dầu), hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, điện, cống, hàng rào, thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè theo Quyết định số 2212/QĐ-BTL ngày 12/12/2013 của Bộ tư lệnh Quân khu 7. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15.49.0032/TC ngày 16/3/2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 96.443.000.000 VND

Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư mở rộng Kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè giai đoạn 1 (hệ thống bồn chứa, đường ống công nghệ, máy móc thiết bị các loại,...). Các quyền, lợi ích của Bên B phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.49.0033/TC ngày 16 tháng 03 năm 2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 185.135.000.000 VND
- Số dư 31/12/2017 : **149.718.500.000 Đồng**
Trong đó
 - Vay dài hạn : **83.184.500.000 Đồng**
 - Nợ đến hạn trả : **66.534.000.000 Đồng**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

39. Vốn chủ sở hữu

A	Năm trước	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
39.1	Vốn góp của chủ sở hữu	1.701.266.591.663	-	-	1.701.266.591.663
39.2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-
39.3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	11.438.799.822	11.438.799.822	-
39.4	Quỹ đầu tư phát triển	4.457.273.273	25.359.277.299	-	29.816.550.572
39.5	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	201.269.239.656	-	201.269.239.656
39.6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	84.530.924.335	84.530.924.335	-
	Cộng	1.705.723.864.936	322.598.241.112	95.969.724.157	1.932.352.381.891
B	Năm nay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
39.1	Vốn góp của chủ sở hữu	1.701.266.591.663	664.733.408.337	-	2.366.000.000.000
39.2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	659.525.968.573	659.525.968.573	-
39.3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.554.822.374	1.554.822.374	-
39.4	Quỹ đầu tư phát triển	29.816.550.572	21.530.915.056	51.347.465.628	-
39.5	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	201.269.239.656	-	201.269.239.656	-
39.6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	71.769.716.854	71.769.716.854	-
	Cộng	1.932.352.381.891	1.419.114.831.194	985.467.213.085	2.366.000.000.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

39.1 Vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 11 tháng 11 năm 2015, Vốn điều lệ đăng ký là **1.717.144.000.000 Đồng**.

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	1.701.266.591.663	1.701.266.591.663
- Bổ sung từ Quỹ Đầu tư phát triển	51.347.465.628	-
- Bổ sung từ Chênh lệch đánh giá lại TSCĐ	385.062.374.178	-
- Bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	201.269.239.656	-
- Điều chỉnh khoản phải trả sau cổ phần hóa	27.054.328.875	-
- Số cuối năm	2.366.000.000.000	1.701.266.591.663

39.2 Chênh lệch đánh giá lại Tài sản

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	-	-
- Ghi tăng theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Bình Dương (*)	659.525.968.573	-
- Ghi giảm do thanh lý các TSCĐ sau khi xác định giá trị DN	(274.463.594.395)	-
- Chuyển sang vốn chủ sở hữu	(385.062.374.178)	-
- Số cuối năm	-	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

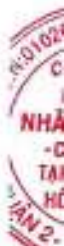
Năm 2017

40. (*) Giá trị cần ghi sổ theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/05/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa như sau:

- Giá trị nguồn vốn Nhà Nước tại 31/12/2015	2.366.313.499.709
- Giá trị sổ sách kế toán tại 31/12/2015	1.701.540.143.897
- Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2015	664.773.355.812
- Điều chỉnh hồi tố báo cáo năm 2015 theo Biên bản Thanh tra Bộ Tài chính ngày 15 tháng 7 năm 2016	273.552.234
- Điều chỉnh hồi tố báo cáo năm 2015 theo Biên bản Kiểm toán Chuyên đề việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và công tác quản lý điều hành giá xăng dầu giai đoạn 2015-2016 ngày 13 tháng 5 năm 2017 của Kiểm toán Nhà Nước chuyên ngành VI	(4.457.273.273)
- Xử lý nợ phải thu khó đòi trong năm 2017	(1.063.666.200)
- Giá trị còn phải ghi bổ sung	659.525.968.573

39.4 Quỹ Đầu tư phát triển

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	29.816.550.572	4.457.273.272
- Bổ sung từ lợi nhuận năm trước	-	-
- Bổ sung từ lợi nhuận năm nay	21.530.915.056	25.359.277.300
- Chuyển sang vốn chủ sở hữu	(51.347.465.628)	-
- Số cuối năm	-	29.816.550.572



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

39.5 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

Khoản tiền thu được do bán cổ phần tại các công ty con thực hiện cổ phần hóa và nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty, Tình hình trong năm như sau:

- Số đầu năm	201.269.239.656
- Chuyển sang vốn chủ sở hữu	(201.269.239.656)
- Số cuối năm	-

39.6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế được Tổng Công ty phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp:

	Năm nay	Năm trước
- LN năm trước chưa PP chuyển năm nay	-	-
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	71.769.716.854	84.530.924.335
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(71.769.716.854)	(84.530.924.335)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(21.530.915.056)	(25.359.277.300)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(15.859.117.610)	(15.886.188.312)
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(322.625.000)	(322.625.000)
+ Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách Nhà nước	(34.057.059.188)	(42.962.833.723)
- LN chưa PP lũy kế chuyển năm sau	-	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
40. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	7.706.071.941.739	6.510.723.037.079
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.979.069.133	57.033.628.647
- Doanh thu kinh doanh BĐS	52.288.721.708	113.767.390.724
Cộng	7.825.339.732.580	6.681.524.056.450
41. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.440.890.056.013	6.289.348.890.450
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.081.020.611	21.802.161.950
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	37.811.313.800	83.615.884.781
Cộng	7.503.782.390.424	6.394.766.937.181
42. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	71.185.643.679	32.620.967.840
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.055.424.986	135.537.195.157
- Lãi chênh lệch tỷ giá	8.496.911.825	12.793.448.419
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	24.000.000.000	-
Cộng	138.737.980.490	180.951.611.416
43. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	103.579.651.452	83.921.148.463
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.776.720.351	12.406.464.623
- Chi phí tài chính khác	676.500.000	-
Cộng	109.032.871.803	96.327.613.086

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

44. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	50.379.488.716	53.111.937.842
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.452.938.856	2.060.900.852
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.126.773.606	4.111.816.783
- Chi phí khấu hao TSCĐ	21.441.642.449	9.570.231.620
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.175.065.035	48.834.793.934
- Chi phí bằng tiền khác	80.884.309.498	112.090.077.393
Cộng	210.460.218.160	229.779.758.424

45. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	26.813.711.443	21.635.986.314
- Chi phí vật liệu quản lý	743.427.406	539.923.544
- Chi phí đồ dùng văn phòng	272.052.500	1.373.793.032
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.510.662.824	5.520.105.158
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.692.254.281	8.812.465.764
- Chi phí bằng tiền khác	15.322.463.303	14.175.569.106
Cộng	56.354.571.757	52.057.842.918

46. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	36.363.636	2.522.727.272
- Thu tiền điện, nước khách thuê	338.774.634	318.800.017
- Phí tàu già, phí lưu tàu, thu hoàn phí BH	420.875.000	1.506.745.112
- Thu nhập khác	894.381.450	632.442.560
Cộng	1.690.394.720	4.980.714.961

47. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý TSCĐ	42.037.500	2.491.465.536
- Phí tàu già, phí lưu tàu	-	1.421.193.171
- Các khoản tiền phạt	-	1.484.587.091
- Chi phí khác	671.347.860	604.732.688
Cộng	713.385.360	6.001.978.486

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

48. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85.424.670.286	88.522.252.732
Cộng (+) Chi phí không được trừ	17.905.521.860	3.188.660.966
Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	(35.055.424.986)	(135.537.195.157)
Chuyển lỗ của các năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	68.274.767.160	(43.826.281.459)
<i>Trong đó:</i>		
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	(10.509.347.163)	19.956.641.985
+ Thu nhập từ hoạt động SXKD	78.784.114.323	(63.782.923.444)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất	13.654.953.432	3.991.328.397
Thuế TNDN tạm tính theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản	(338.403.837)	338.403.837
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.316.549.595	4.329.732.234

49. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã hoãn nhập khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại xác định theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ của khách hàng mua Bất động sản.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau ngày kết thúc niên độ*****Thông tin về cổ phần hoá***

Tổng Công ty đã thực hiện thành công cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước.

Từ ngày 01/01/2018, Tổng Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.

Thông tin về thoái vốn tại Công ty con

Ngày 05/01/2018, Tổng Công ty đã bán thành công hơn 3.2 triệu cổ phiếu của Công ty CP Nông lâm nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Sau giao dịch, Tổng Công ty còn sở hữu 3.7 triệu cổ phiếu AFC, tương ứng với tỷ lệ nắm giữ là 35.02%.

2. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan Các giao dịch	Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lê	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương
* Nợ phải thu khách hàng						
- Số đầu năm	2.371.292.910				9.394.090	(40.562.000)
- Tăng trong năm	24.872.299.897	330.267.105.677			124.793.600	63.547.569.000
- Giảm trong năm	22.485.601.510	143.877.888.301			134.187.690	60.000.675.000
- Số cuối năm	4.757.991.297	186.389.217.376	-	-	-	3.506.332.000
* Phải thu lãi cổ tức và tiền bán cổ phần						
- Số đầu năm	2.542.972.622	1.600.000.000		9.172.427.607	115.095.000	152.275.169.971
- Tăng trong năm	7.870.143.576	2.338.107.698			460.380.000	22.923.834.169
- Giảm trong năm	7.682.128.245	1.585.678.039		9.172.427.607	230.190.000	175.161.117.019
- Số cuối năm	2.730.987.953	2.352.429.659	-	-	345.285.000	37.887.121
* Nợ phải trả người bán						
- Số đầu năm	2.458.172.691	(235.416.571.087)			13.736.000	
- Tăng trong năm	67.302.542.700	1.282.741.440.737	609.520.000		294.432.816	
- Giảm trong năm	55.133.950.537	1.047.324.869.650			308.168.816	
- Số cuối năm	14.626.764.854	-	609.520.000	-	-	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

3. Thông tin so sánh

Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố lại số liệu đầu năm 2017 theo:

- ❖ Biên bản Kiểm toán Chuyên đề việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và công tác quản lý điều hành giá xăng dầu giai đoạn 2015-2016 ngày 13 tháng 5 năm 2017 của Kiểm toán Nhà Nước chuyên ngành VI.
- ❖ Thông báo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Kiểm toán Nhà Nước Khu vực IV ngày 12 tháng 10 năm 2017.
- ❖ Chi tiết các khoản mục điều chỉnh như sau:

	Chi tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng (giảm) sau điều chỉnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3.831.564.032.997	3.856.483.076.211	24.919.043.214
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.557.230.396.878	1.588.584.810.539	31.354.413.661
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	818.243.105.244	836.055.005.854	17.811.900.610
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	253.599.234.486	267.141.747.537	13.542.513.051
IV.	Hàng tồn kho	140	1.346.090.875.112	1.340.346.703.219	(5.744.171.893)
1	Hàng tồn kho	141	1.346.090.875.112	1.340.346.703.219	(5.744.171.893)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	5.588.088.679	4.896.890.125	(691.198.554)
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3.162.460.764	2.471.262.210	(691.198.554)
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.231.067.404.286	2.231.579.012.914	511.608.628
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	11.776.738.118	12.288.346.746	511.608.628
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	11.438.334.281	11.949.942.909	511.608.628
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	6.062.631.437.283	6.088.062.089.125	25.430.651.842
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300	4.133.236.755.562	4.155.709.707.234	22.472.951.672
I.	Nợ ngắn hạn	310	3.409.945.167.296	3.432.418.118.968	22.472.951.672
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	144.809.395.759	169.259.864.324	24.450.468.565
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21.486.994.866	19.509.477.973	(1.977.516.893)
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.929.394.681.721	1.932.352.381.891	2.957.700.170
I.	Vốn chủ sở hữu	410	1.929.394.681.721	1.932.352.381.891	2.957.700.170
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	26.858.850.402	29.816.550.572	2.957.700.170
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	6.062.631.437.283	6.088.062.089.125	25.430.651.842

Năm 2017

1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.624.177.048.741	6.681.524.056.450	57.347.007.709
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.624.177.048.741	6.681.524.056.450	57.347.007.709
4	Giá vốn hàng bán	11	6.366.110.282.919	6.394.766.937.181	28.656.654.262
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	258.066.765.822	286.757.119.269	28.690.353.447
8	Chi phí bán hàng	25	196.782.026.525	229.779.758.424	32.997.731.899
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	93.850.894.709	89.543.516.257	(4.307.378.452)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	92.829.631.184	88.522.252.732	(4.307.378.452)
15	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.638.533.680	4.329.732.234	691.198.554
17	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60	89.529.501.341	84.530.924.335	(4.998.577.006)

- Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/04/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 26/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng
- Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.
- Thông tư 20/2017/TT-BTC ngày 06/03/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Thông tư 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính)



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Thông tư số 06/2017/TT-BTC ngày 20/01/2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34a Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế (đã được bổ sung tại Khoản 10 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC)

Luật kế toán

Quốc hội đã thông qua **Luật số 88/2015/QH13** - Luật Kế toán (sửa đổi) có hiệu lực từ 01/01/2017 thay thế Luật kế toán số 03/2003/QH11.

Luật này quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang

